

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2010/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2010

THÔNG TƯ**Hướng dẫn Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ cấp hàng tháng cho những người có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động**

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ cấp hàng tháng cho những người có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động (sau đây được viết là Quyết định số 613/QĐ-TTg);

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Quyết định số 613/QĐ-TTg như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Thông tư này hướng dẫn thực hiện trợ cấp hàng tháng, chế độ bảo hiểm y tế và trợ cấp mai táng đối với người hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động, không thuộc diện được tiếp tục hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng theo quy định tại Quyết định số 60/HĐBT ngày 01 tháng 3 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), Quyết định số 812/TTg ngày 12 tháng 12 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ mà có thời gian công tác thực tế từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm (kể cả trường hợp đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động theo quy định tại Nghị định số 163/CP ngày 04 tháng 7 năm 1974 của Hội đồng Chính phủ), bao gồm:

1. Người đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng và hết tuổi lao động (nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi) trước ngày 01 tháng 7 năm 2010.

2. Người đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng nhưng đến ngày 01 tháng 7 năm 2010 chưa hết tuổi lao động.

3. Không áp dụng quy định tại Thông tư này đối với đối tượng đủ điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, mà thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đang chấp hành hình phạt tù nhưng không được hưởng án treo;

b) Xuất cảnh trái phép;

c) Bị Tòa án tuyên bố là mất tích;

d) Đang hưởng trợ cấp hàng tháng hoặc đủ điều kiện xét hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương;

đ) Đã chết trước ngày 01 tháng 7 năm 2010.

Đối tượng quy định tại tiết a, b, c khoản này được thực hiện trợ cấp hàng tháng khi người bị phạt tù đã chấp hành xong hình phạt tù hoặc khi người bị Tòa án tuyên bố là mất tích trở về hoặc người xuất cảnh trở về định cư hợp pháp.

Điều 2. Điều kiện hưởng trợ cấp hàng tháng

Đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Thông tư này được hưởng trợ cấp hàng tháng khi có đủ các điều kiện sau:

1. Đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động mà không thuộc diện được tiếp tục hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng.

2. Đã hết tuổi lao động.

Điều 3. Thời điểm hưởng trợ cấp hàng tháng

1. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này, được hưởng trợ cấp hàng tháng theo mức quy định tại Điều 4 Thông tư này kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2010.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A sinh tháng 5/1948, có thời gian công tác thực tế là 18 năm 6 tháng (thời gian công tác quy đổi là 22 năm), nghỉ việc hưởng trợ cấp mất sức lao động từ tháng 8/1990 đến tháng 8/2001 hết thời hạn hưởng trợ cấp.

Ông A hết tuổi lao động từ tháng 6/2008 nên ông A được hưởng trợ cấp hàng tháng theo mức quy định tại Điều 4 Thông tư này từ ngày 01 tháng 5 năm 2010.

2. Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này, được hưởng trợ cấp hàng tháng theo mức quy định tại Điều 4 Thông tư này kể từ ngày 01 tháng liền kề sau tháng người lao động hết tuổi lao động.

Trường hợp trong hồ sơ hưởng trợ cấp mất sức lao động chỉ ghi năm sinh mà không ghi ngày, tháng sinh thì lấy ngày 01 tháng 01 của năm sinh làm căn cứ để xác định thời điểm hưởng trợ cấp hàng tháng.

Ví dụ 2: Bà Nguyễn Thị B sinh tháng 7/1956, có thời gian công tác thực tế 15 năm 6 tháng (thời gian công tác quy đổi là 15 năm 6 tháng), nghỉ việc hưởng trợ cấp mất sức lao động từ tháng 9/1992 đến tháng 6/2000 hết thời hạn hưởng trợ cấp.

Bà B được hưởng trợ cấp hàng tháng theo mức quy định tại Điều 4 Thông tư này từ ngày 01/8/2011 (tháng 7/2011 là tháng bà B hết tuổi lao động).

Ví dụ 3: Bà Nguyễn Thị C sinh năm 1957, có thời gian công tác thực tế là 17 năm (thời gian công tác quy đổi là 18 năm), nghỉ việc hưởng trợ cấp mất sức lao động từ tháng 8/1992 đến tháng 8/2001 hết thời hạn hưởng trợ cấp.

Do hồ sơ hưởng trợ cấp mất sức lao động của Bà C chỉ ghi sinh năm 1957 (không ghi ngày, tháng sinh) nên bà C được hưởng trợ cấp hàng tháng theo mức quy định tại Điều 4 Thông tư này từ ngày 01/01/2012.

3. Đối tượng quy định tại tiết a, b, c khoản 3 Điều 1 Thông tư này, được hưởng trợ cấp hàng tháng theo mức quy định tại Điều 4 Thông tư này kể từ ngày 01 tháng liền kề sau tháng người bị phạt tù đã chấp hành xong hình phạt tù hoặc người bị Tòa án tuyên bố là mất tích trở về hoặc người xuất cảnh trở về định cư hợp pháp.

Ví dụ 4: Ông Nguyễn Văn D sinh tháng 5/1947, có thời gian công tác thực tế là 18 năm 6 tháng (thời gian công tác quy đổi là 22 năm), nghỉ việc hưởng trợ cấp mất sức lao động từ tháng 8/1990 đến tháng 8/2001 hết thời hạn hưởng trợ cấp. Năm 2008, do vi phạm pháp luật ông D bị tuyên phạt 6 năm tù giam.

Giả sử đến tháng 6/2013, ông D chấp hành xong hình phạt tù thì ông D được hưởng trợ cấp hàng tháng theo mức quy định tại Điều 4 Thông tư này kể từ ngày 01/7/2013.

Điều 4. Mức trợ cấp hàng tháng

1. Mức trợ cấp hàng tháng được tính thống nhất chung, bằng mức trợ cấp hàng tháng đang hưởng của đối tượng quy định tại Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Từ ngày 01 tháng 5 năm 2010, mức trợ cấp bằng 464.267 đồng/tháng, không phụ thuộc vào mức trợ cấp mất sức lao động hàng tháng đã hưởng trước đó.

Khi Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng thì mức trợ cấp này cũng được điều chỉnh theo.

2. Người hưởng trợ cấp hàng tháng, trong thời gian hưởng trợ cấp còn được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế; khi chết, người lo mai táng được hưởng trợ cấp mai táng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội hiện hành.

Điều 5. Hồ sơ hưởng trợ cấp và thời hạn giải quyết:

1. Hồ sơ hưởng trợ cấp hàng tháng:

a) Đơn đề nghị giải quyết trợ cấp hàng tháng (theo mẫu do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định);

b) Hồ sơ hưởng trợ cấp mất sức lao động;

c) Quyết định hưởng trợ cấp hàng tháng (theo mẫu do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định).

2. Hồ sơ hưởng trợ cấp mai táng:

a) Đơn đề nghị giải quyết trợ cấp mai táng (theo mẫu do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định);

b) Bản sao Giấy chứng tử hoặc bản sao giấy khai tử hoặc bản sao Quyết định của Tòa án tuyên bố đã chết hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi chôn cất người hưởng trợ cấp hàng tháng chết;

c) Quyết định hưởng trợ cấp hàng tháng;

d) Quyết định hưởng trợ cấp mai táng (theo mẫu do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định).

3. Thời hạn giải quyết:

a) Trợ cấp hàng tháng: tối đa là 30 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan bảo hiểm xã hội nhận được đơn đề nghị giải quyết trợ cấp hàng tháng của người đủ điều kiện hưởng theo quy định.

Những trường hợp đủ điều kiện hưởng và có đơn đề nghị giải quyết trợ cấp hàng tháng trước ngày 30 tháng 11 năm 2010, thời hạn giải quyết tối đa trước ngày 01 tháng 01 năm 2011;

b) Trợ cấp mai táng: tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan bảo hiểm xã hội nhận được hồ sơ quy định tại tiết a, tiết b khoản 2 Điều này từ thân nhân của người hưởng trợ cấp.

Hết thời hạn nêu trên cơ quan bảo hiểm xã hội không giải quyết thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra tình hình thực hiện các quy định tại Quyết định số 613/QĐ-TTg và Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định tại Quyết định số 613/QĐ-TTg và Thông tư này.

3. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện trợ cấp hàng tháng, chế độ bảo hiểm y tế và trợ cấp mai táng quy định tại Quyết định số 613/QĐ-TTg và hướng dẫn tại Thông tư này. Hàng năm, tổng hợp số đối tượng hưởng trợ cấp và lập dự toán kinh phí chi trả theo quy định hiện hành về quản lý tài chính đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành. Các quy định tại Thông tư này được thực hiện từ ngày 01 tháng 5 năm 2010.

2. Người có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế, từ ngày 01 tháng 7 năm 2010 còn đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng, khi hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động mà không thuộc diện được tiếp tục hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng thì được hưởng các chế độ quy định tại Thông tư này. Thời điểm hưởng trợ cấp hàng tháng kể từ ngày 01 tháng liền kề tháng người lao động đủ điều kiện quy định tại Điều 2 Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để kịp thời nghiên cứu, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Minh Huân